TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HS-ST
Ngày: 08/02/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Lạc.

2/ Bà Trần Thị Lệ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Diễm Trinh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/TLST-HS, ngày 28 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS, ngày 25 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1984, tại xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, Sóc Trăng; giới tính: Nam; nghề nghiệp: làm thêm; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1953 (sống) và bà Dương Thị T, sinh năm 1955 (sống); anh chị em ruột: 05 người (lớn nhất sinh năm 1975, bị cáo nhỏ nhất). Vợ Nguyễn Kim D, sinh năm 1980 (đã ly thân từ năm 2012 đến nay). Con 01 đứa 10 tuổi. Tiền án : không, Tiền sự: ngày 28/11/2004 bị đưa vào cơ sở giáo dục tại Cồn Cát thời hạn chấp hành 24 tháng (theo quyết định số 1851/QĐ-UB ngày 26/11/2004 của chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng), nhân thân: không án tích. Bị khởi tố ngày 17/10/2019, đến ngày 09/10/2020 bị bắt theo quyết định truy nã và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "tạm giam" cho đến ngày 22/12/2020 thay đổi bằng biện pháp gia đình bảo lĩnh. Bị cáo có mặt.

- ***Bị hại***:

1/ Anh **Lại Văn Đ**, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Anh **Trần Trung H**, sinh năm 2000 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Những người làm chứng***:

1/ Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1959. (vắng mặt)

2/ Anh Trần Văn S, sinh năm 1990. (vắng mặt)

3/ Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ, ngày 16/5/2019 bị cáo Nguyễn Thanh T đi đến nhà của anh Nguyễn Hồng P, ở khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng chơi, thấy bị hại Trần Trung H đang sử dụng chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9, thì bị cáo hỏi mượn để nhắn tin cho bạn, anh H liền đưa cho bị cáo. Sau khi sử dụng xong bị cáo không trả lại cho anh H mà bỏ vào túi quần cất giữ luôn. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày 16/5/2019 bị cáo cùng anh Nguyễn Hồng P, Lại Văn Đ, Lại Duy N (tự Đ) và một số người khác (bị cáo không biết họ tên, địa chỉ) đi đến quán 7777, ở Khóm A, Phường A, thị xã N uống rượu. Anh Trần Trung H điện thoại cho bị cáo yêu cầu trả lại chiếc điện thoại đã chiếm giữ trước đó, thì bị cáo kêu anh H đi ra quán 7777 để cùng uống rượu. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày bị cáo tiếp tục hỏi mượn chiếc xe mô tô biển số 83E1-229.62 của anh Lại Văn Đ để đi về nhà và hẹn sáng ngày hôm sau sẽ trả lại. Bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 83 E1-229.62 của anh Đ, cùng chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9 của anh H đi về nhà của bị cáo. Đến khoảng 13 giờ ngày 17/5/2019 bị cáo T nhắn tin cho anh Lại Văn Đ để hỏi mượn giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 83 E1-229.62 để bị cáo đi xuống huyện P, tỉnh Bạc Liêu có việc riêng và hẹn buổi chiều về sẽ giao trả lại chiếc xe mô tô cho anh Đ, nghe vậy anh Lại Văn Đ tin tưởng đưa giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô biển số 83 E1-229.62 cho bị cáo, thì bị cáo điều khiển chiếc xe mô tô biển số 83 E1-229.62 cùng với chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9 bỏ trốn. Khi đến TP.Hồ Chí Minh bị cáo giao chiếc xe mô tô biển số 83 E1-229.62 cho người bạn tên T (bị cáo không rõ họ tên và địa chỉ) mượn cho đến nay không trả lại; Còn chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9 thì bị cáo đem bán cho tiệm mua bán điện thoại (bị cáo không nhớ hiệu tiệm) ở khu vực chợ huyện T, tỉnh Long An lấy số tiền 2.500.000 đồng để tiêu xài hết. Đến ngày 09/10/2020 bị cáo bị Công an thị xã Ngã Năm bắt theo quyết định truy nã.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 107/KL-HĐĐG ngày 22/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thị xã Ngã Năm, xác định chiếc xe mô tô hiệu Suzuki, loại Satria biển số 83 E1-229.62 của bị hại Lại Văn Đ giá trị còn lại với số tiền 50.966.000 đồng; Chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9 của bị hại Trần

Trung H giá trị còn lại với số tiền 6.160.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Thanh T chiếm đoạt trị giá với số tiền 57.126.000 đồng.

Cáo trạng số 01/CT-VKSNN ngày 25/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm giữ quyền công tố Nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự. Đồng thời, đề nghị HĐXX xem xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: vào ngày 16/05/2019 bị cáo Nguyễn Thanh T đã thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9 của bị hại Trần Trung H trị giá số tiền 6.160.000 đồng, và ngay sau đó tiếp tục chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 83 E1-229.62 của bị hại Lại Văn Đ trị giá số tiền 50.966.000 đồng. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*phạm tội 02 lần trở lên*", theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngày 18/12/2020 gia đình của bị cáo Nguyễn Thanh T đã bồi thường thiệt hại cho bị hại Lại Văn Đ số tiền 55.000.000 đồng, và bồi thường thiệt hại cho bị hại Trần Trung H số tiền 7.900.000 đồng; Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, các bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có ông ngoại là liệt sỹ đây là tính tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Từ đó, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xét xử bị cáo dưới mức khung hình phạt áp dụng, tuyên phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong.

- Bị cáo Nguyễn Thanh T trình bày: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại anh Trần Trung H trình bày: Về trách nhiệm dân sự không yêu cầu gì, về trách nhiệm hình sự yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Cơ quan điều tra Công an thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, Kiểm sát viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt bị hại anh Lại Văn Đ và những người làm chứng ông Lê Văn Đ, anh Trần Văn S, anh Nguyễn Hồng P. Xét thấy, trong quá trình điều tra người bị hại đã có lời khai đầy đủ và cũng không yêu cầu gì, đồng thời những người người làm chứng nêu trên cũng đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của họ không cản trở đến việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thanh T thừa nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 11 giờ ngày 16/5/2019 tại nhà của anh Nguyễn Hồng P ở Khóm V, phường C, thị xã N bị cáo hỏi mượn của anh Trần Trung H chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày bị cáo tiếp tục hỏi mượn chiếc xe mô tô biển số 83E1-229.62 của anh Lại Văn Đ. Đến khoảng 13 giờ ngày 17/5/2019 bị cáo hỏi anh Lại Văn Đ mượn giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Sau khi nhận được tài sản bị cáo điều khiển chiếc xe mô tô biển số 83 E1-229.62 cùng với chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9 của anh Trần Trung H bỏ trốn đi lên TP.Hồ Chí Minh. Đối với chiếc xe bị cáo đưa cho người bạn tên T (không rõ họ tên và địa chỉ) mượn nhưng đến nay không trả, còn chiếc điện thoại bị cáo bán lấy số tiền 2.500.000 đồng để tiêu sài cá nhân. Theo Bản kết luận định giá tài sản số 107/KL-HĐĐG ngày 22/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thị xã Ngã Năm, xác định tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trị giá với số tiền 57.126.000 đồng. Xét thấy, lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra. Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Từ đó, có cơ sở xác định bị cáo có hành vi mượn tài sản của người khác để sử dụng sau đó bỏ trốn nhằm để chiếm đoạt nên hành vi của bị cáo đã hội đủ yếu tố cấu thành tội phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng số 01/CT-VKSNN ngày 25/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo nên HĐXX chấp nhận.

[5] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo là người thành niên có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và bị cáo biết rất rõ người nào cố tình chiếm hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Hiểu được vậy nhưng do bản tính lười lao động nên bị cáo cố tình chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Bằng cách bị cáo lợi dụng lòng tin của bị hại để cho mượn tài sản sử dụng. Tuy nhiên, sau đó bị cáo cố tình không trả mà bỏ trốn nhằm mục đích chiếm đoạt. Do đó, đối với hành vi của bị cáo cần phải có một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo như vậy mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời, cũng là phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội, nhất là trong thời điểm hiện nay loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm cho bị cáo như: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: vào ngày 16/05/2019 bị can Nguyễn Thanh T đã thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F9 của bị hại Trần Trung H trị giá

số tiền 6.160.000 đồng, và ngay sau đó tiếp tục chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 83 E1-229.62 của bị hại Lại Văn Đ trị giá số tiền 50.966.000 đồng. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*phạm tội 02 lần trở lên*", theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, bị hại có đơn xin bãi nại và giảm hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có ông ngoại là liệt sỹ. Ngoài ra, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại đểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Kiểm sát viên đề nghị xem xét và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới mức khung hình phạt đã truy tố là có cơ sở và phù hợp theo quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho các bị hại. Đồng thời, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, điểm đ khoản 1 Điều 32 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/10/2020 đến ngày 22/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét

3. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo, các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CQĐT Công an thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn

.